

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 7 – 2026

V/v “tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Bà Nguyễn Thị Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh (Địa chỉ cũ: Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (Địa chỉ cũ: Ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh).

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị G: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị G trình bày:

Bà G và ông T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân

dân xã C, tỉnh Tây Ninh) với số đăng ký 08/2013, quyển số 01/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà G và ông T đã không sống chung từ giữa năm 2024. Nay, bà G nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà G không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

– *Về hôn nhân*: Bà G yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn T.

– *Về con chung*: Bà G xác định quá trình chung sống có 01 con chung tên Bùi Bích N, sinh ngày 08/6/2016. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Bích N. Trong đơn khởi kiện bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 2.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà G xác định rút yêu cầu cấp dưỡng, bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

– *Về tài sản và nợ*: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Bùi Văn T: Ông Bùi Văn T đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung và xác định không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị G và ông Bùi Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2013 nên là

quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà G khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Bùi Văn T: Ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân giữa bà Lê Thị G và ông Bùi Văn T:

Bà Lê Thị G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông T không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà G, không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà G xác định không còn tình cảm và vẫn cương quyết ly hôn với ông T, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà G và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông T.

[4] Về con chung: Bà G và ông T có 01 con chung tên Bùi Bích N, sinh ngày 08/6/2016. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung có nguyện vọng sống với bà G và hiện đang sống với bà G, do bà G chăm sóc nuôi dưỡng; ông T vắng mặt và không có văn bản ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà G nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của bà G về vấn đề này. Giao con chung Bùi Bích N cho bà G được quyền nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 2.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà G tự nguyện rút yêu cầu về cấp dưỡng và xác định không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Xét thấy, bà G rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, xác định không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[6] Về tài sản và nợ: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G đối với ông Bùi Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị G được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Bích N, sinh ngày 08/6/2016 cho bà Lê Thị G nuôi dưỡng. Con chung hiện đang sống với bà G.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do bà G rút yêu cầu, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này. Bà G có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật khi có yêu cầu hoặc phát sinh tranh chấp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002469 ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang thi hành án phí. Bà G đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Bùi Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết

bản án.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 2 – Tây Ninh;
- Phòng THADS KV 2 – Tây Ninh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật